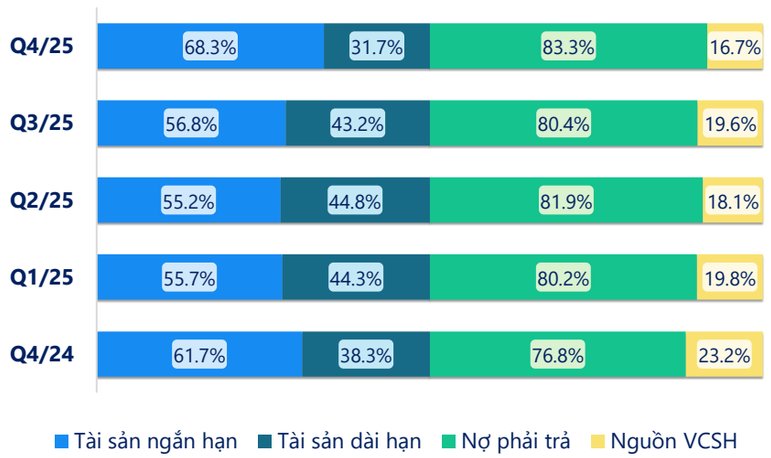
FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,320
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,303,720
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,104
P/E	8.1
EPS	533

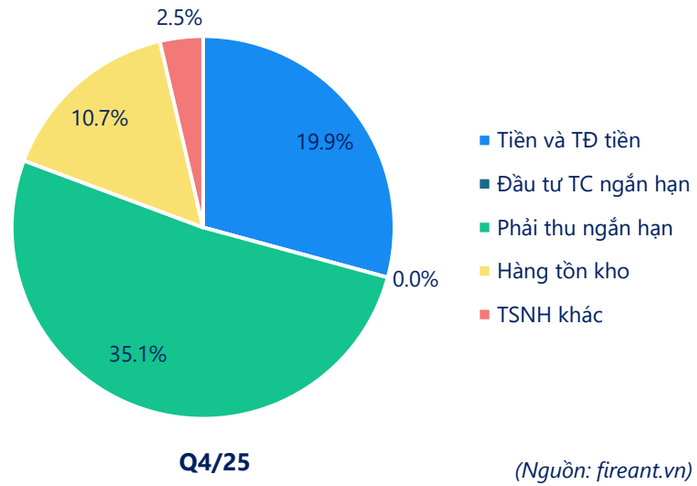
	YTD	1T	3T	6T
LDG	126.2%	-5.5%	-10.2%	2.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



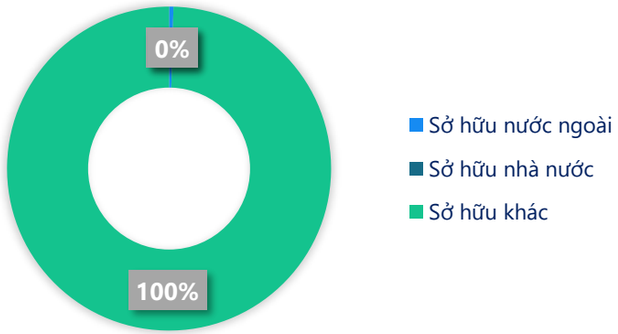
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



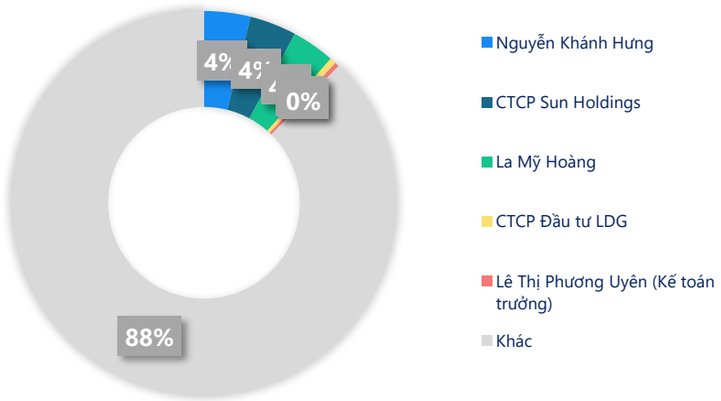
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



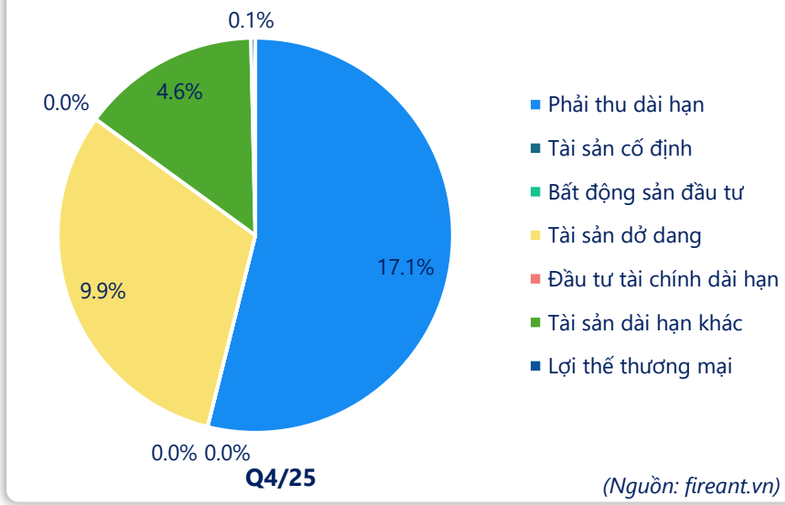
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

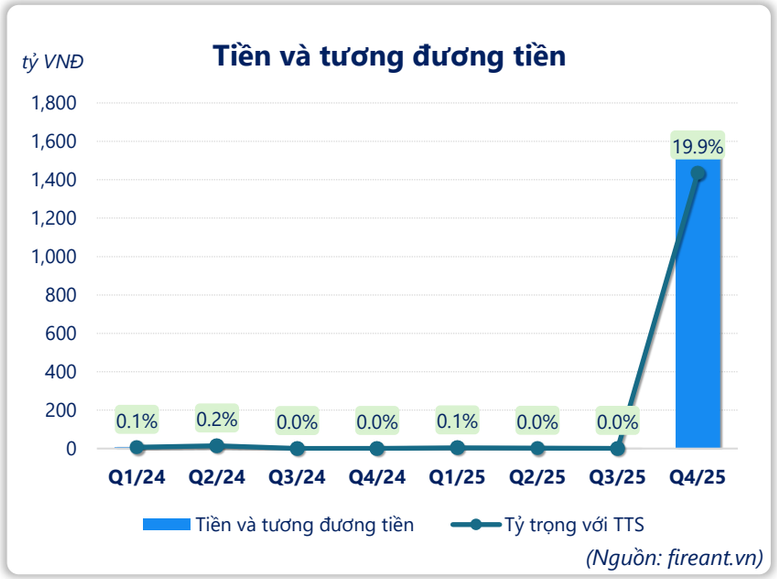
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



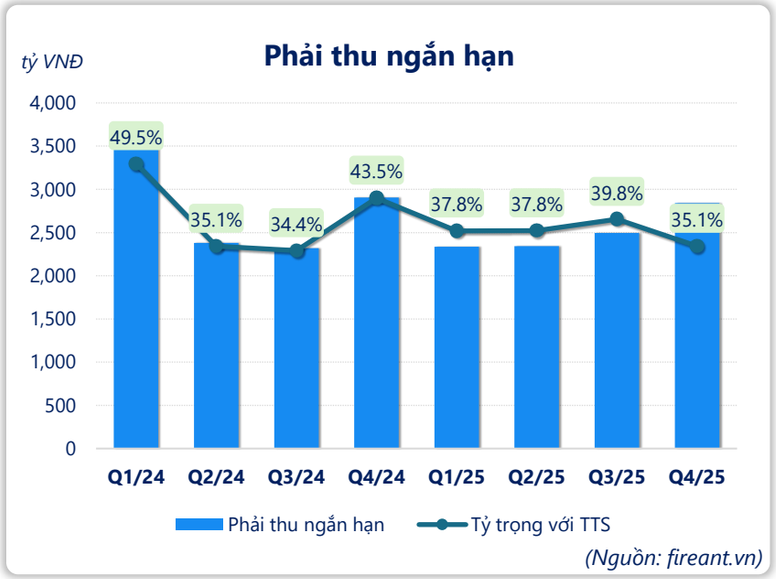
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

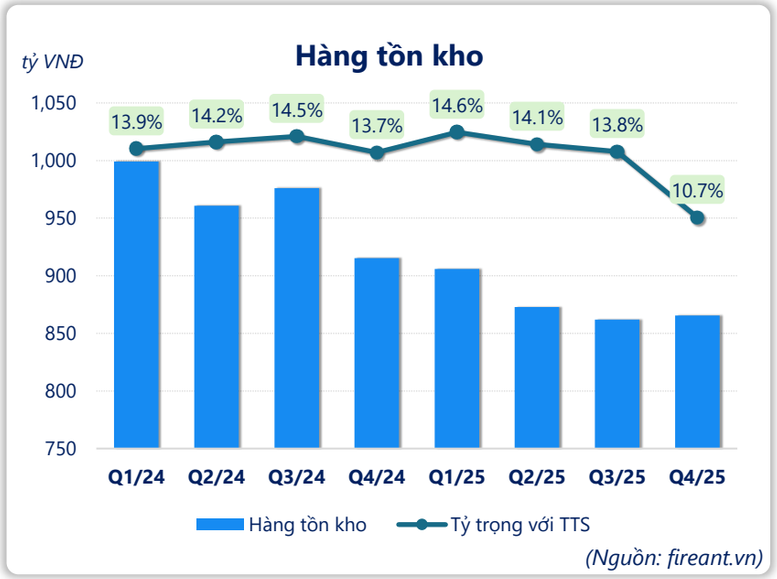
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)



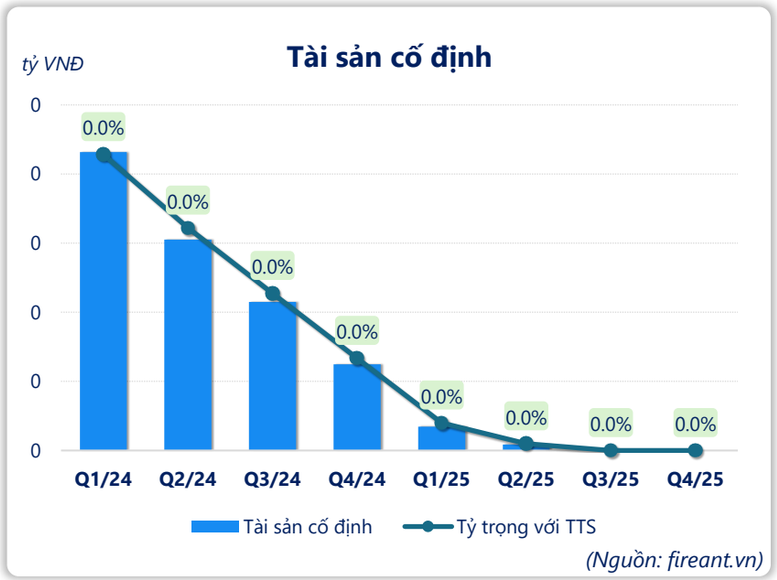
(Nguồn: fireant.vn)



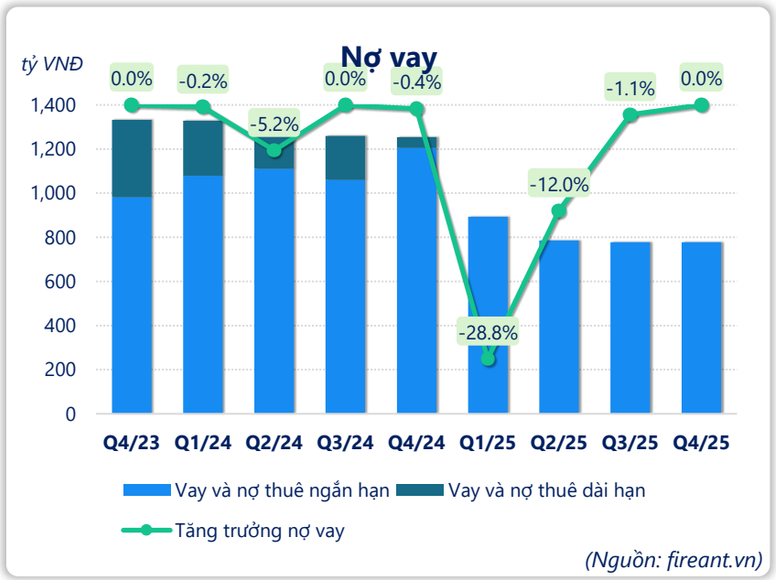
(Nguồn: fireant.vn)



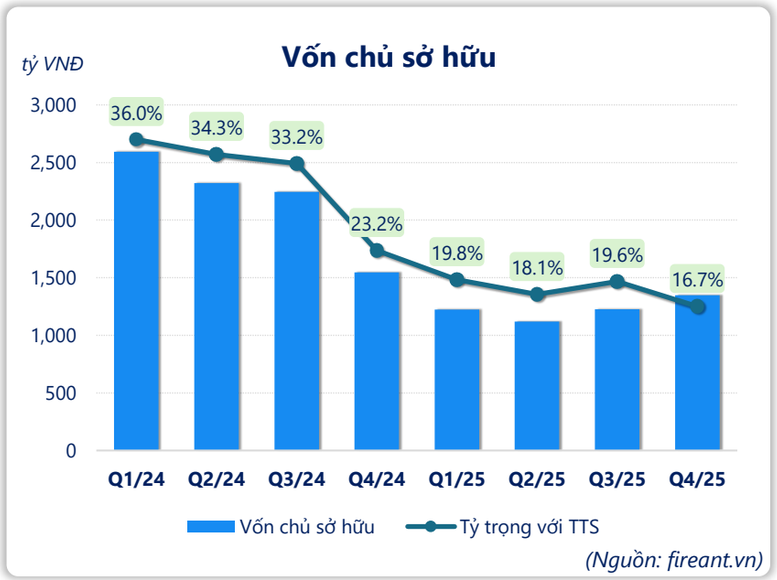
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

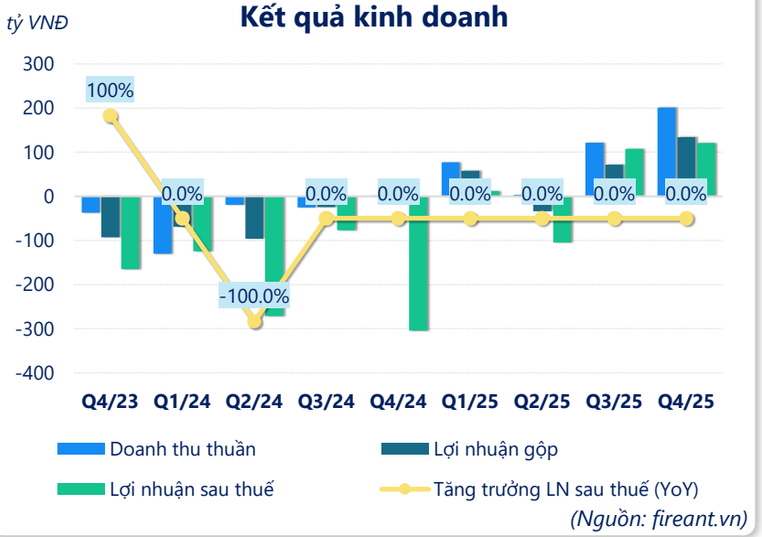


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

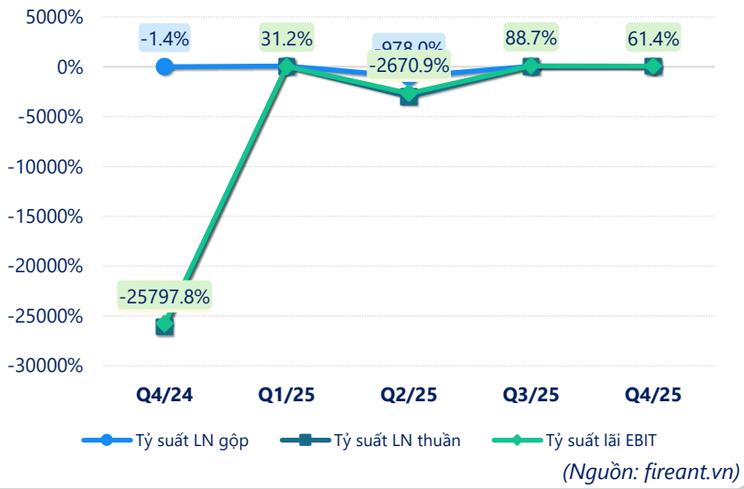
CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

Kết quả kinh doanh



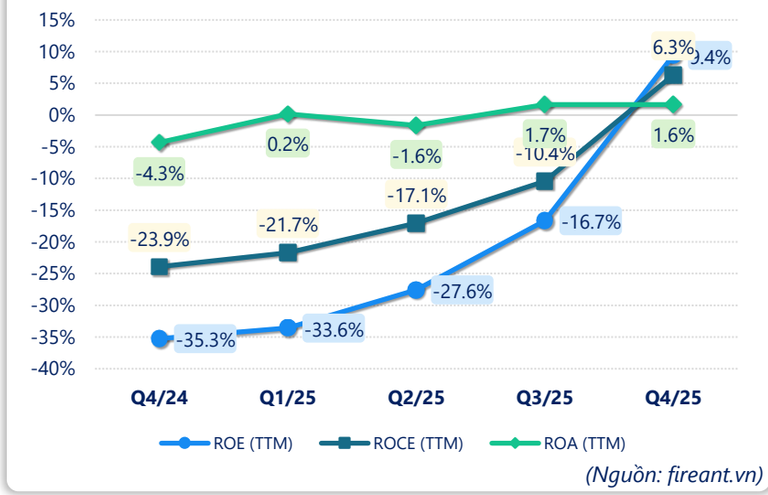
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



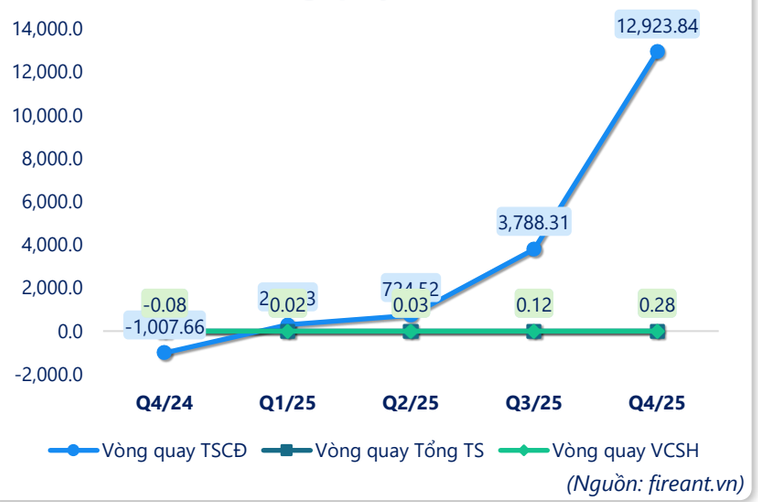
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



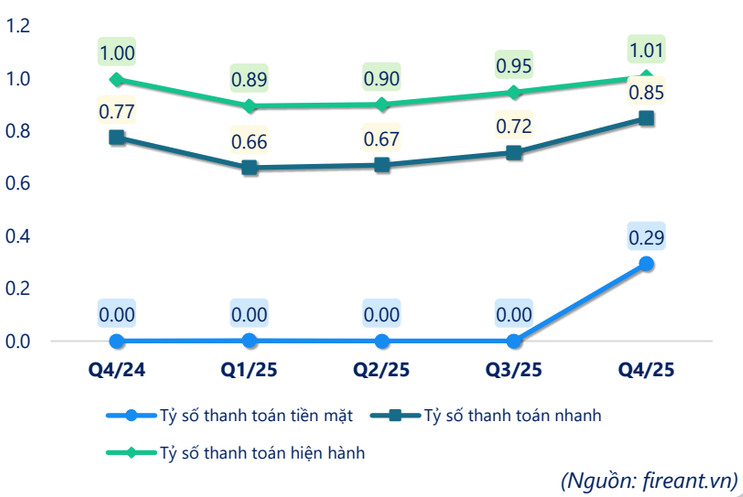
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



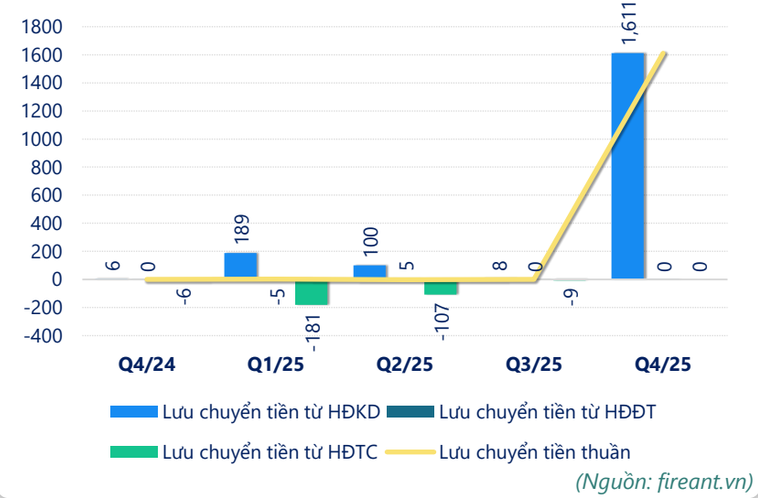
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư LDG (HSX: LDG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,085**	**6,157**	**31.3%**
Tài sản ngắn hạn	5,518	3,413	61.7%
Tiền và tương đương tiền	1,612	0.92	175997%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,840	2,298	23.6%
Hàng tồn kho	865	908	-4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	201	206	-2.7%
Tài sản dài hạn	**2,566**	**2,744**	**-6.5%**
Phải thu dài hạn	1,383	1,501	-7.9%
Tài sản cố định	0	0.06	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	799	815	-2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**376**	**411**	**-8.6%**
Lợi thế thương mại	8.98	17.1	-47.5%
Nợ phải trả	6,737	4,946	36.2%
Nợ ngắn hạn	**5,489**	**3,954**	**38.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	778	1,024	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	185	-23.2%
Nợ dài hạn	1,248	992	25.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,348**	**1,211**	**11.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,348**	**1,211**	**11.3%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1.34	77.2	3.48	122	201
Giá vốn hàng bán	1.36	19.2	37.5	49.8	66.7
Lợi nhuận gộp	-0.02	58.0	-34.0	71.8	134
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	38.6	36.0	14.6	16.8	7.65
Chi phí lãi vay	13.9	11.8	11.6	0	2.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.44	1.21	1.55	1.79	2.93
Chi phí QLDN	309	7.63	53.6	7.39	9.48
LN thuần từ HĐKD	-351	13.2	-104	45.8	114
Lợi nhuận khác	-9.53	-0.88	-0.77	62.1	6.47
LN trước thuế	-360	12.3	-105	108	121
Lợi nhuận sau thuế	-305	12.3	-105	108	121
LNST của CĐ cty mẹ	-305	12.3	-105	108	121

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.04	189	99.8	8.24	1,611
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-5.43	5.43	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.54	-181	-107	-8.63	0.00
Tiền đầu kỳ	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16
Lưu chuyển tiền thuần	**0.51**	**2.41**	**-1.77**	**-0.39**	**1,611**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.92	3.33	1.55	1.16	1,612

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic